

Bản án số: **36/2023/HS-ST**
Ngày 17 tháng 4 năm 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ T gồm có:*

T phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bàn Văn Thế.

Các Hội T nhân dân: Ông Nguyễn Sơn Hải.

Ông Phạm Văn Vượng.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Vũ Hồng Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương tham gia phiên toà:*
Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 17/4/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ T công khai vụ án hình S thụ lý số 44/2023/TLST-HS, ngày 31/3/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2023/QĐXXST-HS, ngày 03/4/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nông Văn H**, sinh ngày 20/10/1987, tại Sơn Dương, Tuyên Quang. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn Q, xã T1, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 04/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn Cam (đã chết) và bà Nguyễn Thị Quýt, sinh năm 1951; Vợ: Nguyễn Thị Tuyết, sinh năm 1985 (đã ly hôn); Con: Có 01 con, sinh năm 2007; Tiền S: không;

Tiền án: Có 01 tiền án, tại Bản án số 94/2017/HSST ngày 28/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương xử phạt Nông Văn H 07 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản, phải nộp 200.000 đồng án phí hình S sơ T. Bị cáo chấp Hnh xong hình phạt tù ngày 21/4/2018, chưa nộp án phí hình S sơ T.

Nhân thân: Ngày 09/8/2018, Công an quận Thanh Xuân, tHnh phố H Nội ban Hnh Quyết định xử phạt vi phạm Hnh chính số 033404/QĐ-XPVPHC đối với Nông Văn H về Hnh vi gây rối trật tự công cộng, phạt tiền 750.000 đồng. Đã chấp Hnh ngày 14/8/2018.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/01/2023 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Hoàng Văn Vũ – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý NH nước tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

- *Bị hại:* Bà Đặng Thị T, sinh năm 1947. Địa chỉ: Thôn Q, xã T1, huyện Sơn

Dương, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Bà Nguyễn Thị Trang - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý NH nước tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

- **Người làm chứng:** Anh Nông Văn S, chị Nguyễn Thị NHn, ông Nông Ngọc H, bà Nguyễn Thị T, anh Ma Xuân L. Anh S có mặt; chị NHn, ông H, bà T và anh L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 27/12/2022, Nông Văn H, sinh năm 1987, cư trú tại thôn Q, xã T1, huyện Sơn Dương đi uống rượu tại chợ xã T1 thì xảy ra mâu thuẫn với anh Nông Văn S, sinh năm 1982 (con của bà Đặng Thị T, cùng cư trú tại thôn Q, xã T1), vì Nông Văn H cho rằng anh S vay số tiền khoảng 200.000 đồng đến 300.000 đồng của mẹ H nhưng không trả.

Đến khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, Nông Văn H đi bộ đến khu vực đường ĐT 185 theo hướng từ thôn Q, xã T1 đi Ủy ban nhân dân xã T1 thì gặp bà T. H định hỏi bà T về việc S vay tiền của mẹ H nên gọi bà T đến đồng thời dùng tay phải nhắt 01 đoạn gậy gỗ (chiều dài khoảng 1,2 mét, đường kính 04 cm) ở gần đó, mục đích nếu bà T không nói đúng hoặc chửi H thì sẽ đánh bà T. Khi cách bà T khoảng 10 mét, H hỏi bà T về việc S có vay tiền của mẹ H không, bà T chưa kịp nói gì thì H dùng tay phải cầm gậy gỗ vụt 01 phát theo hướng từ phải sang trái, từ trên xuống dưới trúng vào vùng lông mày trái của bà T, làm bà T ngã xuống đường, gậy gỗ gãy tành 04 đoạn. H dùng tay chân, đá nhiều phát vào mặt và người của bà T. Sau đó H bỏ chạy, còn bà T được đưa đến Trạm y tế xã T1 để sơ cứu, rồi chuyển đến Trung tâm y tế huyện Sơn Dương điều trị từ ngày 27/12/2022 đến ngày 03/01/2023.

Tại bản kết luận pháp y về thương tích số 03/2023/TgT ngày 10/01/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh Tuyên Quang xác định bà Đặng Thị T có các thương tích sau:

+ Cung lông mày bên trái có vết thương đang liền sẹo kích thước (2,5 x 0,3cm) bờ mép vết thương không đều;

+ Bờ dưới cằm có vết bầm tụ máu đang thoái hóa màu tím xanh, kích thước 1cm. Vết này sẽ hết không để lại sẹo nên không xếp tỷ lệ phần trăm.

+ Sưng nề nhẹ vùng cằm gáy được ghi nhận trong bệnh án hiện đã khỏi không để lại dấu vết gì.

Kết luận: Dấu hiệu chính qua giám định: Sẹo cung mày trái kích thước như mô tả: 03 %; cơ chế, vật gây thương tích: Do vật tày tác động trực tiếp gây nên.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 3% (Ba phần trăm).

Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sơn Dương tạm giữ: 04 đoạn gậy gỗ có chiều dài lần lượt là 44cm, 36cm, 25cm và 32cm.

Về dân S: Bị hại bà Đặng Thị T yêu cầu Nông Văn H phải bồi thường chi phí điều trị và tổn thất tinh thần, số tiền 5.000.000 đồng. Quá trình điều tra, H nhất trí

bồi thường, nhưng tại phiên tòa bị cáo Nông Văn H thay đổi ý kiến không nhất trí với yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà Đặng Thị T.

Từ nội dung trên, tại Cáo trạng số 48/CT-VKSSD, ngày 29/3/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương đã truy tố Nông Văn H về Tội cố ý gây thương tích, quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình S.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị:

- Tuyên bố: Bị cáo Nông Văn H phạm Tội cố ý gây thương tích.
- Áp dụng: Điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h, i khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình S. Xử phạt bị cáo Nông Văn H từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam.

Đề nghị tịch thu tiêu hủy 04 đoạn gãy gỗ có chiều dài lần lượt là 44cm, 36cm, 25cm và 32cm; buộc bị cáo phải bồi thường chi phí điều trị và tổn thất tinh thần cho bị hại bà Đặng Thị T số tiền 5.000.000 đồng.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo nhất trí với tội danh, điều luật như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình S quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình S, vì bị cáo đã tHnh khẩn khẩn báo về Hnh vi phạm tội, bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo; đề nghị xem xét về trách nhiệm bồi thường dân S của bị cáo đối với bị hại; đề nghị miễn án phí đối với bị cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Đề nghị xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc theo quy định của pháp luật; yêu cầu bị cáo phải bồi thường chi phí điều trị và tổn thất tinh thần cho bị hại bà Đặng Thị T số tiền 5.000.000 đồng.

Kết thúc phần tranh tụng, bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về nội dung vụ án: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận Hnh vi phạm tội của mình, như Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố. Ngoài lời khai nhận tội của bị cáo, Hnh vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng: Lời khai của bị hại, người làm chứng; vật chứng đã thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ những chứng cứ trên có đủ cơ sở kết luận: Hồi 12 giờ 30 phút ngày 27/12/2022, tại đoạn đường ĐT 185 thuộc thôn Q, xã T1, huyện Sơn Dương, Nông Văn H, sinh ngày 20/10/1987, cư trú tại thôn Q, xã T1 có Hnh vi dùng 01 đoạn gậy gỗ (là hung khí nguy hiểm) vụt 01 phát theo hướng từ phải sang trái, từ trên xuống dưới trúng vào vùng lồng mày trái của bà Đặng Thị T, sinh năm 1947, cư trú cùng thôn, làm bà T ngã xuống đường, gậy gỗ gãy tHnh 04 đoạn. H tiếp tục dùng tay chân, đá nhiều phát vào mặt và người của bà T. Hậu quả: Bà T bị tổn hại 03% sức khỏe. Hnh vi của Nông Văn H có tính chất côn đồ.

Hành vi của bị cáo đã phạm vào “Tội cố ý gây thương tích”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình S. Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật như cáo trạng là có căn cứ pháp luật.

[2] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình S.

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình S: Tại Bản án hình S sơ T số 94/2017/HSST ngày 28/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương xử phạt Nông Văn H 07 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản, phải nộp 200.000 đồng án phí hình S sơ T. Bị cáo đã chấp Hnh xong hình phạt tù ngày 21/4/2018, nhưng chưa nộp án phí hình S theo quy định của pháp luật, do vậy bị cáo chưa được xóa án tích tại bản án hình S sơ T số 94/2017/HSST, nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình S.

Bị cáo thực hiện Hnh vi phạm tội đối với bà Đặng Thị T, sinh năm 1947, nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình S phạm tội đối với người đủ 70 tuổi trở lên, quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình S;

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo đã tHnh khẩn khai báo về Hnh vi phạm tội, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình S quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình S, cần áp dụng khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[3] Về mức án Viện kiểm sát đề nghị:

Hnh vi cố ý gây thương tích của bị cáo là nguy hiểm, xâm phạm trật tự an toàn xã hội; trực tiếp xâm phạm đến thân thể, sức khỏe của người khác được pháp luật bảo hộ, đặc biệt đối tượng bị xâm hại về sức khỏe là người già trên 70 tuổi không có khả năng đề tự vệ. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết hành vi cố ý gây thương tích đối với người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của bị cáo là cố ý, thể hiện sự coi thường pháp luật. Bản thân bị cáo có một tiền án chưa được xóa án tích, đã từng bị cơ quan có T quyền xử phạt vi phạm Hnh chính về Hnh vi gây rối trật tự công cộng, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà lại tiếp tục thực hiện Hnh vi phạm tội. Vì vậy, cần phải có mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ của Hnh vi phạm tội, buộc bị cáo phải chấp Hnh hình phạt tù giam trong thời gian nhất định, để cải tạo, giáo dục bị cáo trở tHnh người có ích cho xã hội và răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về trách nhiệm dân S: Bị hại bà Đặng Thị T yêu cầu bị cáo phải bồi thường chi phí điều trị và tổn thất tinh thần số tiền 5.000.000 đồng, nhưng bị cáo không nhất trí bồi thường. Về nội dung này, Hội đồng xét xử xét thấy các khoản thiệt hại thực tế cần được chấp nhận, gồm có:

+ Chi phí mất thu nhập của người chăm sóc bà T trong thời gian điều trị từ ngày 27/12/2022 đến ngày 03/01/2023 là: 08 ngày x 180.000 đồng/ngày = 1.440.000 đồng;

+ Bồi thường tổn thất tinh thần cho bà T mức 03 tháng lương cơ bản là phù hợp, cụ thể: 03 tháng x 1.490.000 đồng/tháng = 4.470.000 đồng.

Tổng cộng: 5.910.000đ (*Năm triệu chín trăm mười nghìn đồng*).

Các tài liệu chứng cứ để chứng minh thiệt hại thực tế xảy ra có trong hồ sơ vụ án do bị hại cung cấp chưa đầy đủ, nhưng chỉ tính hai khoản thiệt hại nêu trên thì số tiền đã nhiều hơn khoản tiền bà T yêu cầu bồi thường. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà T, buộc bị cáo phải bồi thường chi phí điều trị và tổn thất tinh thần cho bị hại theo số tiền bị hại yêu cầu là 5.000.000 đồng.

[5] Về xử lý vật chứng: Đối với 04 đoạn gãy gỗ có chiều dài lần lượt là 44cm, 36cm, 25cm và 32cm là hung khí bị cáo sử dụng để thực hiện Hình vi phạm tội, hiện không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo:

Bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo và bị cáo có đơn xin miễn án phí, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Miễn nộp án phí hình S sơ T và án phí dân S có giá ngạch đối với bị cáo.

Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[7] Về tính hợp pháp của các Hình vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Qua xem xét, nghiên cứu hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: Quá trình điều tra và truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình S và các văn bản pháp luật có liên quan. Khởi tố, điều tra, thu thập chứng cứ, truy tố đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Các Hình vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h, i khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình S.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nông Văn H phạm Tội cố ý gây thương tích.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nông Văn H **01** (một) năm **03** (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 17/01/2023).

3. Về trách nhiệm dân S: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình S; Điều 584, 585, 586, 590 và Điều 357, 468 Bộ luật dân S 2015.

Buộc bị cáo Nông Văn H phải bồi thường cho bà Đặng Thị T chi phí điều trị và tổn thất tinh thần, số tiền **5.000.000đ** (Năm triệu đồng).

Khoản tiền phải bồi thường, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi Hnh án của người được thi Hnh án, nếu người phải thi Hnh án chậm trả thì Hng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân S năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình S; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình S.

Tịch thu, tiêu hủy: 04 (bốn) đoạn gãy gỗ có chiều dài lần lượt là 44cm, 36cm, 25cm và 32cm.

Tình trạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/4/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sơn Dương và Chi cục Thi Hnh án dân S huyện Sơn Dương.

4. Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình S; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Miễn nộp án phí hình S sơ T và án phí dân S có giá ngạch đối với bị cáo.

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (17/4/2023).

Trường hợp bản án được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 Luật thi Hnh án dân S thì người được thi Hnh án dân S, người phải thi Hnh án dân S có quyền thỏa thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi Hnh án dân S; Thời hiệu thi Hnh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hnh án dân S.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- Trại tạm giam CA tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Công an huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ T
T PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bàn Văn Thế

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

T PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Sơn Hải

Phạm Văn Vượng

Bàn Văn Thế